

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 04 - 2024

“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Việt

Ông Đinh Chí Hiển

- **Thư ký Phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn M, sinh năm 1983; (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

- Ông M là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông M và bà T sống chung với nhau từ năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng còn không hạnh phúc và đã ly thân khoảng 8 năm. Nay ông M yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông M xác định có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Bé T1, sinh ngày 27/8/2005; Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 14/8/2007; Nguyễn Phạm Lộc P, sinh ngày 06/10/2009. Khi ly hôn, ông M tự nguyện giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu Phạm Nguyễn Bé T1, Phạm Nguyễn Thùy D, Nguyễn Phạm Lộc P. Ông M không đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông M xác định không có.

Về nợ chung: Ông M xác định không có.

- Bà T là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông M sống chung với nhau từ năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân khoảng 8 năm. Nay bà T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông M.

Về con chung: Bà T và ông M có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Bé T1, sinh ngày 27/8/2005; Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 14/8/2007; Nguyễn Phạm Lộc P, sinh ngày 06/10/2009. Khi ly hôn, bà T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu Phạm Nguyễn Bé T1, Phạm Nguyễn Thùy D, Nguyễn Phạm Lộc P. Bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mà để ông M tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của ông Phạm Văn M về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Kim T thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Bà T là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, ông M và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông M và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân khoảng 8 năm. Nay ông M và bà T đều yêu cầu chấm dứt hôn nhân.

Nhận thấy, theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Như vậy, trường hợp của ông M và bà T sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, đã có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà T.

[4] Về con chung: Ông M và bà T xác định có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Bé T1, sinh ngày 27/8/2005; Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 14/8/2007; Nguyễn Phạm Lộc P, sinh ngày 06/10/2009. Khi ly hôn, ông M và bà T thỏa thuận giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu Phạm Nguyễn Bé T1, Phạm Nguyễn

Thùy D, Nguyễn Phạm Lộc P. Bà T là người trực tiếp nuôi con, không đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông M và bà T xác định không có.

[6] Về nợ chung: Ông M và bà T xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình ông M nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Kim T.

Về con chung: Về con chung: Ông M và bà T xác định có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Bé T1, sinh ngày 27/8/2005; Phạm Nguyễn Thùy D, sinh ngày 14/8/2007; Nguyễn Phạm Lộc P, sinh ngày 06/10/2009. Khi ly hôn, ông M và bà T thỏa thuận giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu Phạm Nguyễn Bé T1, Phạm Nguyễn Thùy D, Nguyễn Phạm Lộc P. Bà T là người trực tiếp nuôi con, không đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông M không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định của pháp luật không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ông M và bà T xác định không có.

Về nợ chung: Ông M và bà T xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Ông M phải nộp 300.000 đồng. Vào ngày 27/02/2024, ông M đã dự nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0016001 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ chuyên thu ngân sách nhà nước.

Ông M và bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.

Diệp Chí Nguyệt